

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19.02.2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Văn Đông
 2. Bà Nguyễn Thùy Linh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị M** sinh năm 1982
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy C** sinh năm 1982
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận Z, thành phố Cần Thơ.
3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:
 - 3.1. Cháu Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 15.8.2005
 - 3.2. Cháu Nguyễn Hồ Cẩm X sinh ngày 06.10.2012

(Đang sống với chị M tại khu vực X, phường Y, quận Z; và do chị M là người giám hộ).

(Nguyên/bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10.11.2020 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Hồ Thị M trình bày:*

Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Nguyễn Duy C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 9.2005, có đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân xã Y, huyện Z (nay là phường Y, quận Z) ngày 20.9.2005. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình bên vợ từ đó đến khi ly thân.

Do vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 11.2020 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 15.8.2005 và Nguyễn Hồ Cẩm X sinh ngày 06.10.2012. Hiện các con đang sống chung với chị M và gia đình bên ngoại tại khu vực X, phường Y, quận Z, tp Cần Thơ.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cất năm 2012, lợp tol, nền xi măng cất trên nền đất của cha mẹ chị tại khu vực X, phường Y, quận Z, tp Cần Thơ và 01 chiếc xe honda hiệu vision mua năm 2018.

Về nợ chung: không có.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Duy C; Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Yêu cầu thỏa thuận sử dụng tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai ngày 04.02.2021 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Nguyễn Duy C trình bày:*

Anh thống nhất vợ chồng tự nguyện quen biết và yêu thương nhau, đến tháng 9.2005 được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Y, huyện Z (nay là phường Y, quận Z). Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 15.8.2005 và Nguyễn Hồ Cẩm X sinh ngày 06.10.2012. Hiện con chung đang sống với mẹ và bên ngoại tại khu vực X, phường Y, quận Z, tp Cần Thơ.

Anh thừa nhận mâu thuẫn do anh có thường xuyên rượu trà, xảy ra xung đột với láng giềng và nhiều lần bị công an phường Y lập biên bản cam kết. Từ khi ly thân thì anh đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay điều chuyển về làm tại khu công nghiệp Trà Nóc.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 căn nhà lợp tol, nền xi măng cất trên nền đất của cha mẹ vợ tại khu vực X, phường Y, quận Z, tp Cần Thơ và 01 chiếc xe honda hiệu vision mua năm 2018; Vợ chồng không có nợ chung.

Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ. Trường hợp ly hôn thì anh đồng ý ổn định cho chị M được quyền nuôi 02 con chung đến trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; Đồng ý thỏa thuận sử dụng tài sản chung.

** Tại tờ tự khai ngày 04.02.2021 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Hồ Cẩm X trình bày:*

Các cháu là con của mẹ Hồ Thị M và cha Nguyễn Duy C. Việc cha mẹ ly hôn thì cháu không có ý kiến gì. Các cháu yêu cầu sau khi ly hôn thì các cháu được tiếp tục sống với mẹ vì hiện nay các cháu đang sống với mẹ và gần ông bà ngoại. Các cháu không yêu cầu cha cấp dưỡng vì mẹ có khả năng nuôi các cháu đến trưởng thành.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị M đối với bị đơn anh Nguyễn Duy C; *Về con chung*: Ôn định cho chị M được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Hồ Cẩm X đến trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; con; *Về tài sản chung*: Do đương sự tự thỏa thuận sử dụng nên đề nghị không đề cập giải quyết; *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung, sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Hồ Thị M với anh Nguyễn Duy C được gia đình hai bên tác hợp và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z nay là phường Y, quận Z nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị M có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Hồ Thị M và bị đơn anh Nguyễn Duy C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị M, anh C chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị M thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, anh C ăn chơi lêu lổng. Bị đơn anh Nguyễn Duy C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, anh

vẫn còn thương yêu vợ con nên chị M yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, Mặc dù các đương sự có những lời khai không thống nhất về tình cảm vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân; thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị M với anh C đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Anh chị thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 15.8.2005 và Nguyễn Hồ Cẩm X sinh ngày 06.10.2012 - đang sống với chị M. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, anh C đồng ý ổn định cho chị M được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, anh yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay 02 con chung đang sống với chị M và gia đình bên ngoại nên cần thiết ổn định quyền nuôi con cho chị M như hiện trạng thực tế và phù hợp yêu cầu thỏa thuận của đương sự theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa, điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do đương sự thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Hồ Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 84 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị M đối với bị đơn anh Nguyễn Duy C.

1. *Về hôn nhân*: Chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Duy C.

2. *Về con chung*: Chị Hồ Thị M được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T sinh ngày 15.8.2005 và Nguyễn Hồ Cẩm X sinh ngày 06.10.2012 đến trưởng thành. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh C thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Do các đương sự thống nhất tự thỏa thuận sử dụng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Hồ Thị M phải nộp 300.000 đồng. Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo phiếu thu số: AA/2020/002588 ngày 21.01.2021 được chuyển thành án phí. Chị M đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Z;
- THA quận Z;
- UBND phường Y
(nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền